

# LÊ TRỰC - VÕ TƯỚNG CẦN VƯƠNG CUỐI THẾ KỶ XIX

TS. NGUYỄN THẾ HOÀN  
Trường Đại học Quảng Bình

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ nền độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia cuối thế kỷ XIX đã xuất hiện nhiều nhân vật lịch sử kiệt xuất, anh hùng cứu nước mà tên tuổi và sự nghiệp của họ mãi mãi được người đời nhắc đến, sử sách ghi danh. Tuy nhiên, trong sự kính trọng và ngưỡng mộ ấy không ít người còn băn khoăn, suy ngẫm về sự thành bại của cuộc kháng chiến và những bài học lịch sử của nó. Bài viết này xin được góp phần làm rõ hơn cuộc đời và sự nghiệp của một võ tướng, một người con ưu tú của quê hương Quảng Bình trong những ngày đầu chống bọn ngoại bang cướp nước đó là Đề đốc Lê Trực.

Lê Trực còn gọi là Lê Văn Trực, người xã Thanh Thủy, tổng Thuận Lễ, huyện Bình Chính, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình).

Ai đã một lần đến Thanh Thủy sẽ không khỏi ngạc nhiên và sững sờ trước vẻ đẹp của hình thế núi sông, cảnh vật mà tạo hóa đã đem lại cho mảnh đất này. Cái kỳ vĩ hài hòa của một vùng thủy tú sơn thanh, núi giảng hai bên, sông trôi ở giữa. Bóng núi, bóng lèn mờ trong hơi sương, phủ lên dòng sông (sông Gianh) một màu tím nhạt tạo nên bức tranh thủy mặc, non nước hữu tình. Người Quảng Bình, người Tuyên Hóa không mấy ai không biết về ngọn lèn nổi tiếng được coi là danh sơn kỳ địa của vùng đất Tuyên Hóa đó là Lèn Bàng với câu chuyện về ông Văn, ông Võ, hai nhân vật người vùng quê Thanh Thủy đã được cụ Trần Mạnh Đàn khắc họa trong bài thơ:

Thanh Thủy lèn dăng một dải thành

Trên lèn cặp đá đứng song hành

Vì sao muôn miệng đều xưng hiệu

Bởi có hai người rất trứ danh

Văn chiếm bảng vàng ngòi nhị giáp

Võ theo gương sáng cụ Phan Đình

"Nước trong" nhân vật càng trong trẻo

Để tiếng muôn đời với sử xanh.

Lèn Thanh Thủy có hai hòn đá lớn đứng xa mà nhìn giống hai vị thần ngày

đêm canh gác cho quê hương, xứ sở, tượng trưng cho trí tuệ và khí phách của con người nơi đây. Lèn Bàng người ta còn biết đến với truyền thuyết trên núi đêm đêm có tiếng học bài, có ánh đèn le lói chập chờn. Người ta nói ngọn đèn ấy, tiếng trẻ học bài ấy, cứ mỗi lần xuất hiện là báo hiệu có văn nhân xuất thế. Xem ra mới thấy, khí đất thiêng thì sinh ra con người tuấn kiệt. Sự hoành tráng của núi non, sự kỳ vĩ của vùng đất Thanh Thủy đã sản sinh ra những anh hùng hào kiệt thời nào cũng có.

Lê Trực cất tiếng khóc chào đời vào năm 1841 tại làng Thanh Thủy, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Ông thân sinh của cụ Lê Trực nguyên là người tỉnh Thanh Hóa vì nghèo đói phải vào Quảng Bình tìm kế sinh nhai làm nghề đốn củi ở Tuyên Hóa. Vì lam lũ nơi núi rừng, nên ông mất sớm, Lê Trực phải theo mẹ về vùng Thanh Thủy làm thuê cuộc mưu sinh. Có thể nói tuổi thơ của ông đã trải qua những năm tháng nhọc nhằn và đau khổ. Lên 5 tuổi mồ côi cha, người mẹ một mình tần tảo nuôi 7 người con, hoàn cảnh gia đình ngày càng túng thiếu. Lê Trực phải đi ở chăn trâu cho nhà giàu. Ngay từ khi còn nhỏ, Lê Trực đã rất bướng bỉnh, ông không để cho bọn nhà giàu đè nén quá mức nên không thể ở thuê cho nhà ai được lâu. Mẹ ông phải gửi ông ở nhà ông Thủ Ngự, một người trong họ. Tuy ban ngày làm lụng vất vả, mệt nhọc nhưng ông vẫn thức khuya để tranh thủ học lại bài của con ông Thủ Ngự.

Và thật đáng ngạc nhiên và khâm phục, sức học của ông ngày một vượt lên, hơn cả con ông Thủ Ngự. Thầy Đồ thấy ông thông minh, hiểu học nên ra sức giúp đỡ. Lớn lên ông lấy vợ người cùng quê ở Thanh Thủy, vợ ông nhà cũng nghèo và mồ côi cha mẹ từ bé. Lê Trực còn là người có sức khỏe phi thường và giỏi đấu vật. Năm 18 tuổi đã nổi tiếng một vùng. Ở làng Thanh Thủy hiện nay vẫn còn truyền tụng những giai thoại về tài trí thông minh và võ thuật của ông. Đó là những tư chất thiên bẩm giúp ông quyết chí theo nghiệp võ. Năm 28 tuổi, Lê Trực đỗ Cử nhân võ, tiếp theo được sung ngay vào võ học đường học tập để chờ khoa thi Hội. Năm Kỷ Tỵ (1869) Tự Đức thứ 22 qua được sát hạch ở võ học đường. Lê Trực được tham gia hội thi. Thi Hội, ông đỗ thứ nhì, hạng thứ trúng cách sung vào Đình thi đỗ thứ 3 được ban chức danh Đệ Tam giáp võ Tiến sĩ xuất thân. Có lẽ trong làng đại khoa ở Quảng Bình thì Lê Trực là người đầu tiên nhận được học vị vẻ vang này. Con đường làm quan của ông cũng trải nhiều gian truân, khổ ải. Ông từng giữ chức Chánh hiệp quản Thanh Hóa, sau đó được điều lên Lạng Sơn giữ chức Chánh lãnh binh. Lúc này ở các tỉnh thượng du và trung du tình hình cực kỳ rối ren, nạn phi địa phương, phi Tàu, hoành hành nổi dậy đánh phá quấy rối khắp nơi. Là quan võ đứng đầu tỉnh ông đã có nhiều chiến tích trong việc đánh dẹp bọn phi, ổn định tình hình địa phương và giữ vững biên cương của đất nước. Năm 1873, ông được giữ chức Đề đốc hộ thành Hà Nội. Đầu tháng 4 năm 1882, đại tá Heri Rivière dẫn

400 quân đến đóng đồn Thủy, cách Hà Nội 5km nhằm uy hiếp Hà Thành. Lê Trực cùng Tổng đốc Hoàng Diệu cho xây dựng tuyến phòng thủ chuẩn bị đánh Pháp và yêu cầu triều đình Huế viện binh. Sáng ngày 25 tháng 4 năm 1882, quân Pháp bất ngờ mở cuộc tấn công thành Hà Nội. Hoàng Diệu và quân sĩ kiên quyết chống cự nhưng vẫn không giữ được thành. Để bảo toàn khí tiết, sau khi thảo tờ di biểu bằng máu gửi triều đình, Hoàng Diệu đã tự vẫn. Thành Hà Nội rơi vào tay giặc. Lê Trực cùng các quan bị triều đình truất phế. Nhiều người trong triều can ngăn mãi ông mới được Tự Đức cho tha về quê.

Thất bại trong quan trường, Lê Trực quay về làm bạn với nước non hoa gấm ở quê nhà. Ngày ngày, ông cười ngửa sang uống rượu, ngâm thơ cùng bạn hữu ở hang Minh Cầm dưới dãy núi Lâm Lang. Có thể nói đó là những năm tháng bất đắc chí của ông.

Sau vụ phản công ở Huế tháng 7 năm 1885 thất bại, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi xuất bôn ra Quảng Trị hạ "Chiếu Cần Vương" kêu gọi nhân dân đứng lên phò vua cứu nước. Tiếng loa Cần Vương vừa vang lên thì lập tức ở Quảng Bình đã sục sôi một phong trào chống Pháp. Bảy giờ tuy tuổi đã già nhưng Lê Trực vẫn hăng hái cầm cờ tướng đi chiêu nạp nghĩa sĩ. Không đầy 2 tháng ông đã lập được đồn trại khắp triền sông Gianh từ Thanh Thủy đến Trung Thuần và lấy vùng núi Chóp Chài làm trung tâm kháng chiến chống Pháp. Dựa vào địa thế hiểm trở của vùng này, Lê Trực mộ thêm quân, đúc khí giới, xây dựng căn cứ lâu dài, tiến hành chiến tranh du kích với phương châm tác chiến là phân tán nghĩa quân thành những toán nhỏ, chủ động phục kích, đánh tĩa, quân địch. Ngoài ra, ông còn cho quân sĩ khai khẩn ruộng vườn, chăn nuôi trâu bò, lợn gà, đào ao thả cá để tự túc lương, thực phẩm nhằm giảm bớt phần nào sự đóng góp của nhân dân. Nghĩa quân của Lê Trực phát triển ngày một mạnh mẽ. Số người tham gia nghĩa quân của ông ngày một đông, được tổ chức chặt chẽ và có kỉ luật cao, số quân có lúc lên đến gần vạn người. Địa bàn hoạt động rộng lớn từ Quảng Trạch đến Tuyên Hóa. Dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tiến hành nhiều cuộc tấn công lớn nhỏ, tập kích vào đồn bót của giặc. Có thể nói không đồn binh nào của Pháp lại không bị nghĩa quân tập kích, không đoàn xe tiếp viện nào của chúng không bị họ chặn đánh. Lê Trực còn liên kết, phối hợp và sát cánh với nhiều cánh quân Cần Vương khác như cánh quân của Lê Mô Khởi ở Bố Trạch, Mai Lượng ở Cao Mại (Tuyên Hóa), Tú Di Luân và Phạm Thế Lộc ở Quảng Trạch, Hoàng Phúc (Lệ Thủy), Đề Ín, Đề Chít (Quảng Ninh) để tổ chức nhiều trận đánh lớn tiêu diệt kẻ thù như: bao vây thành Đồng Hới, trận Biều Lệ, Diêm Trường, Lâm Xuân (Quảng Trạch) trận Hạ Trang, (Tuyên Hóa), sông Nậy...

Đáng chú ý nhất là những trận đánh ở quê hương ông như: trận Thanh Thủy - Cửa Khe tháng 1 năm 1886, trận Thanh Thủy - Tiên Hóa tháng 11 năm

1886 gây cho địch nhiều tổn thất, lao đao. Uy danh và thanh thế của đội quân Lê Trực vang khắp miền Trung và cả nước, ngay chính quyền thực dân Pháp cũng hoang mang lo sợ, đã nhiều lần điều động các đội quân có trang bị vũ khí hiện đại đến càn quét, tiêu diệt nhưng rốt cuộc đều bị thất bại.

Sẽ còn thiếu sót nếu chúng ta không đề cập đến vai trò của Đề đốc Lê Trực trong "Triều đình Hàm Nghi" chống Pháp ở Quảng Bình. Sau khi ông được Tôn Thất Thuyết cho phục nguyên hàm và giao cho quản lý 3 con voi của vua Hàm Nghi, ông đã cùng với các tướng lĩnh khác như Nguyễn Phạm Tuân, Tôn Thất Đàm, Trần Xuân Soạn phò tá Hàm Nghi trong những ngày đầu ở núi rừng Tuyên Hóa. Tuy không phải là nhân vật chủ chốt nhưng ông có một vai trò không nhỏ trong bộ máy trung ương Cần Vương lúc bấy giờ. Đội quân của ông được giao nhiệm vụ án ngữ huyện Quảng Trạch giữ mặt phía Đông và Đông Nam cho căn cứ Hàm Nghi ở Tuyên Hóa. Đặc biệt ông đã chỉ huy nhiều trận đánh để bảo vệ "triều đình" và bảo vệ nhà vua vượt qua những ngày gian khổ cũng như các đợt vây bắt của kẻ thù. Đối với ông sự tồn tại của "Triều đình Hàm Nghi" lúc bấy giờ được coi như một lẽ sống, chỗ dựa tinh thần không thể thiếu được. Hơn ai hết ông nhận thức được rằng cuộc chiến đấu này dù được hay mất không cần tính đến "Bại thành phi sở luận" (thắng hay bại không cần bàn đến) mà cái quan trọng là tấm lòng yêu nước thương nòi, là nghĩa khí nêu gương vì xã tắc, giang sơn đang bị quân xâm lược dày xéo. Ông thực sự trở thành trụ cột thứ hai của triều đình Hàm Nghi lúc đó. Đặc biệt, sau khi Nguyễn Phạm Tuân hy sinh, phong trào kháng chiến gặp nhiều khó khăn, ông đã cùng Tôn Thất Đàm gây dựng lại lực lượng, tổ chức nghĩa quân đánh lui nhiều đợt tấn công của kẻ thù vào "kinh đô". Mặc cho kẻ thù dụ dỗ mua chuộc và đe dọa, ông vẫn chèo lái con thuyền Cần Vương vượt qua những ghềnh thác, khó khăn. Có thể nói ông là người chỉ huy chính, là linh hồn của phong trào Cần Vương chống Pháp ở Quảng Bình từ đầu năm 1887.

Đối với vua Hàm Nghi, trước sau ông đều làm tròn bổ phận của một kẻ bề tôi, không những phò tá, bảo vệ nhà vua trong những ngày hoạn nạn mà còn khước từ mọi sự cám dỗ mua chuộc của giặc Pháp, trong việc dụ dỗ ông khuyên Hàm Nghi từ bỏ cuộc chiến. Kể cả những lúc gặp khó khăn nhất thì nghĩa quân của ông cũng không bỏ vua mà lúc ẩn, lúc hiện trong rừng để bảo vệ. Rất dễ nhận ra ở ông một thần tử trung thành hết mực vì nhà vua. Trong bức thư trả lời tên chỉ huy Pháp Mouteaux ông nói: "Tôi vì vua, vì nước, chết sống cũng một lần làm cho hết bổn phận chứ không dám tham sự sống mà quên việc nghĩa".

Điều đáng nói là ông trung thành với một vị vua yêu nước nhưng trái lại thì coi thường khinh miệt một vị vua bạc nhược, bù nhìn làm tay sai cho Pháp là Đồng Khánh. Trong các bức thư trả lời cho bọn Pháp, Lê Trực không thừa

nhận Đồng Khánh là vua, mà vẫn lấy niên hiệu là Hàm Nghi. Và cũng chính vì lòng trung thành đó mà khi vua Hàm Nghi bị bắt, Lê Trực đã thoát chí ra hàng<sup>1</sup>. Sự bất lực trước tình thế và "nghĩa tử thân, đạo vua tôi" của Lê Trực đã trở thành tội lỗi. Đúng như giáo sư Trần Văn Giàu đã khẳng định, chính hai chữ "trung quân" đã "cột tay bó chân biết bao nhiêu người không phải không có tâm huyết với núi sông. Hệ ý thức phong kiến chẳng những là bất lực trước các nhiệm vụ lịch sử mà nó còn là tội nhân của lịch sử".

Về phần ông cũng cần nói thêm rằng, cuộc đời của ông là sống và làm việc vì dân, vì nước. Con người ông là con người hành động. Trong gần suốt 30 năm làm quan, làm tướng ông đã có nhiều đóng góp xứng đáng cho lịch sử dân tộc. Bất cứ ở đâu, ông đều xông pha trước mũi tên hòn đạn, trực tiếp cầm quân chống lại bọn phi tào, phi ta và bọn lang sa mắt xanh mũi đỏ, với mục tiêu cao cả là giữ gìn sự bình yên cho nhân dân và độc lập, tự do cho Tổ quốc. Những năm tháng ở chiến trường khốc liệt cũng như sống ẩn dật tại quê nhà, ông vẫn giữ được sự thanh bạch, tiết tháo của một người võ quan yêu nước thương dân. Bằng chứng cho thấy, ngay khi còn là người chỉ huy nghĩa quân, ông đã tỏ ra hết sức gương mẫu và trong sạch. Những lúc thiếu thốn lương thực, ông cùng anh em binh lính ăn cơm độn ngô, không phân biệt trên dưới. Lê Trực đã nghiêm cấm nghĩa quân của ông không được những nhiễu, yêu sách nhân dân. Đội quân của ông chỉ được yêu cầu nhân dân những thứ cần thiết nhất. Trong cái hộp riêng của ông mà chúng bắt được ở căn cứ, chỉ có một thỏi bạc nhỏ và những công văn giấy tờ. Sau khi ông phải đầu thú<sup>2</sup>, bọn Pháp tìm mọi cách dụ dỗ ông ra làm quan để làm tay sai cho chúng, nhưng ông một mực từ chối. Ông vẫn cho các con ông theo học thầy đồ ở làng và không chịu cho đến trường Pháp - Việt của địch.

Đáng tiếc là ông không đi hết con đường cùng dân tộc trong công cuộc chống giặc ngoại xâm và nhất là khi phong trào Cần Vương đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách thì ông lại nản lòng, đó là hạn chế lớn nhất của ông. Chúng ta trân trọng lòng quả cảm và khí phách của ông, cũng như ghi nhận những cống hiến lớn lao của ông đối với quê hương, đất nước nhưng không thể biện minh cho lỗi lầm của ông. Có thể nói, đó là vết mờ trong cuộc đời ông mà hậu thế phải chấp nhận.

Ngày nay, dù còn bàn cãi về điểm này, điểm khác trong cuộc đời sóng gió của ông. Song bao đời nay, nhân dân ta vẫn không bao giờ quên những chiến công vang dội của người thủ lĩnh nghĩa quân lừng danh ở vùng sông Gianh vào những năm cuối thế kỷ XIX. Lịch sử ghi danh một võ tướng Cần Vương đã một thời khiến cho kẻ thù khiếp sợ lẫn khâm phục và kính trọng. Ông xứng đáng là

---

<sup>1,2</sup>. Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, tập 38, bản dịch Viện Sử học, Nxb Sử học, 1976.

một võ tướng xuất sắc của phong trào Cần Vương, được coi như một nốt nhạc trầm hùng làm nên bản anh hùng ca của lịch sử Quảng Bình thời kỳ cận đại.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Trần Văn Giàu, *Chống xâm lăng*, Hà Nội, 1957.
2. Phan Văn Chúc, *Vua Hàm Nghi*, Nhà sách Chính Ký, 1957.
3. Đặng Huy Vận, *Về cuộc kháng chiến kiên cường và anh dũng của nhân dân Quảng Bình cuối thế kỷ XIX*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 106 (1968).
4. Nguyễn Thị Ánh Minh, *Phong trào Cần Vương ở Quảng Bình*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, năm 2007.
5. Nguyễn Tú, *Quảng Bình nhân vật chí*, Hội Văn học Nghệ thuật Quảng Bình.
6. Nguyễn Tú, *Quảng Bình nước non và lịch sử*, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Bình 1998.
7. Hoàng Minh Đức, *Đề đốc Lê Trực - Cuộc đời và sự nghiệp*.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 38, bản dịch Viện Sử học, Nxb Sử học, 1976.